| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN PHONG ĐIỀN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc** |

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25/9/2019
"V/v Tranh chấp ly hôn"

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN - TP.CẦN THƠ

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Cúc Lan**

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Trần Thanh Long**

2. Ông **Nguyễn Ngọc Giang**

- Thư ký phiên toà: Bà **Lê Thị Thủy Tiên**, cán bộ Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 187/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 7, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông **Đỗ Ngọc Đ**, sinh năm 1976. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn xin ly hôn ngày 24/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Bà và ông Đỗ Ngọc Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, có 01 con chung tên Đỗ Thiên L (nam), sinh ngày 09/10/2012. Về sau cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ kinh doanh thua lỗ và ông Đ bỏ nhà đi từ tháng 04/2014 đến nay không về và cũng không liên lạc được, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đỗ Ngọc Đ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đỗ Thiên L (nam), sinh ngày 09/10/2012, bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Không có

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Đỗ Ngọc Đ nhiều lần đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Đ vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được giữa các bên đương sự. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông Đỗ Ngọc Đ, về con chung: Bà yêu cầu được nuôi, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con, Về nợ chung: Không có, Về tài sản chung: Bà cho rằng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Bị đơn ông Đ vắng mặt không rõ lý do, Tòa án đã tiến hành niêm yết xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện xin ly hôn với ông Đỗ Ngọc Đ nên xác định đây là vụ án tranh chấp ly hôn, giữa công dân và công dân được pháp luật dân sự điều chỉnh, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Đỗ ngọc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án. Tuy nhiên ông Đ vắng mặt không rõ lý do nên xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà T, ông Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 13/01/2010 tại Ủy ban nhân dân Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, số 08/HT/Xã, quyển số 01/2010. Nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định Luật Hôn nhân & Gia đình. Hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, tiến bộ, các thành viên trong gia đình có sự quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, theo bà T thì giữa bà và ông Đ đã phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông Đ kinh doanh thua lỗ, ông Đ bỏ bà và cháu L về nhà mẹ ruột sinh sống ở Ấp A, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, từ tháng 04/2014 đến nay không về và cũng không liên lạc với bà, vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với Đỗ Ngọc Đ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên bà T xin ly hôn với ông Đ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T được ly hôn với ông Đỗ Ngọc Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình.

[4] Xét về con chung: Tại phiên tòa bà Thúy cho rằng Từ khi ông Đ bỏ đi đến nay bà là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và hiện tại cháu đang sinh sống với bà ở khu phố 7, phường A, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L. Để tạo điều kiện thuận lợi cho cháu

trong sinh hoạt, vui chơi, học tập, cũng như phát triển tốt cả thể chất lẫn tinh thần. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của bà T. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày là không có nợ chung và tài sản chung: Tự thỏa thuận, tuy nhiên tại phiên tòa bà cho rằng vợ chồng bà không có tài sản chung và yêu cầu Tòa án không xem xét giải quyết. Do phía bị đơn ông Đỗ Ngọc Đ vắng mặt nên về tài sản chung, nợ chung chưa xem xét giải quyết, nếu một trong các bên đương sự có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

[ 6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí vụ án hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng**:

Khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 5, Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Đỗ Ngọc Đ

- Về con chung: Giao cháu Đỗ Thiên L (nam), sinh ngày 09/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho ông Đỗ Ngọc Đ, không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chưa xem xét, trường hợp một trong các bên đương sự có yêu cầu thì được giải quyết thành vụ kiện khác.

- Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn bà T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/005482 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện phong Điền, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án*

*hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***

***Nơi nhận*** :
- Các đương sự;
- VKSND H. Phong Điền ;
- Chi cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã Nhơn Nghĩa;
- Lưu HS (2b).

**Nguyễn Thị Cúc Lan**